**TUẦN 18**

**Ngày soạn : 28 /12/ 2017**

**Ngày giảng : Thứ hai ngày 01 tháng 01 năm 2018**

**Tập đọc**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết lập bảng thống kê các bài tập đọc thuộc chủ điểm Giữ lấy màu xanh.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng đọc thành tiếng: Học sinh đọc trôi chảy các bài tập đã học từ tuần 11 đến hết kì I, phát âm rõ, tốc độ đọc tối thiểu 110 chữ/ phút; biết ngừng nghỉ sau các dấu câu; giữa các cụm từ, biết đọc diễn cảm thể hiện đúng nội dung văn bản nghệ thuật.

**3.Thái độ *:***

- HS có ý thức tự giác ôn bài.Biết nhận xét về nhân vật trong bài đọc. Nêu dẫn chứng minh hoạ cho nhận xét đó.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Phiếu ghi tên từng bài tập đọc, học thuộc lòng đã học từ tuần 11- 17.

- Phiếu học tập to cho nội dung bài 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1 Kiểm tra bài cũ.(5')**  - Y/c HS đọc tên bài thơ, bài văn, kịch đã học từ tuần 11-17.  - Nhận xét, tuyên dương.  **2. Bài mới.** (30')  **a) Giới thiệu bài**  - GV nêu mục đích, yêu cầu của giờ học.  b) Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng.  -Y/c HS lên bốc thăm các bài tập đọc, học thuộc lòng, sau đó chuẩn bị 1-2 phút, rồi đọc bài.  - Y/c đọc các bài từ tuần 11- 17  - GV kết hợp hỏi nội dung bài đã học.(Đặt câu hỏi về đoạn, nội dung bài hoặc nhân vật....)  - GV nhận xét đánh giá tuyên dương.  c) H­ướng dẫn làm bài tập.  Bài 2:  -GV phát phiếu học tập to cho từng nhóm 4.  -Y/c nhóm trư­ởng điều khiển các bạn làm bài.  - GV gợi ý h­ướng dẫn HS xem lại cách lập bảng thống kê và hoàn thành bài.  - Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 và báo cáo.  - GV tổng kết hệ thống lại các bài đã học.  Bài 3.  - Y/c HS đọc kĩ đề bài rồi tự nhận xét và lấy dẫn chứng cụ thể trong bài về nhận xét của mình.  **3 . Củng cố dặn dò.(3')**  **-** GV nhận xét tiết học. Dặn HS ôn lại một số bài đã học để giờ sau kiểm tra tiếp | -3- 4 em đọc tên bài.  - HS bốc bài và đọc bài rồi trả lời câu hỏi mà GV đ­ưa ra.  - HS tự làm bài theo nhóm, đại diện làm phiếu to để chữa bài.  - HS làm việc cá nhân và đại diện trình bày. |

----------------------------o0o------------------------

**Toán**

**DIỆN TÍCH HÌNH TAM GIÁC**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức:***

***-*** Nắm đ­ược quy tắc tính diện tích hình tam giác.

***2. Kĩ năng:***

***-*** HS vận dụng quy tắc tính diện tích hình tam giác.

***3. Thái độ:***

- HS có ý thức tự giác học bài và làm bài.

**II .ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Các hình tam giác như­ SGK, th­ước Êke.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ**.(5’)  - Hình tam giác gồm mấy đỉnh, mấy cạnh, mấy góc?  - Nhận xét tuyên dương.  2. Bài mới.(30’)  ***HĐ1***. ***Giới thiệu bài.***GV nêu mục đích yêu cầu giờ học.  ***HĐ2****.* ***a) Cắt hình tam giác:(*** 10’)  GV lấy một trong hai hình tam giác bằng nhau.  - Vẽ một đ­ường cao lên hình tam giác đó.  - Cắt theo đ­ường cao, đư­ợc hai mảnh tam giác ghi 1 và 2.  b***) Gép hình tam giác.***  GV vừa ghép hình vừa hư­ớng dẫn HS ghép hình.  - GV vẽ đư­ờng cao lên hình.    c***) So sánh, đối chiếu các yếu tố hình học trong hình vừa ghép.***  - Hình chữa nhật ABCD có chiều dài DC bằng độ dài đáy DC của hình tam giác EDC  - Hình chữ nhật ABCD có chiều rộng AD bằng chiều cao EH của hình tam giác EDC.  - Em hãy so sánh diện tích của hình chữ nhật ABCD với hình tam giác EDC.  d) Hình thành quy tắc, công thức tính diện tich hình tam giác.  - Y/c HS nêu cách tính diện tích hình chữ nhật ABCD.  - Vậy muốn tính đư­ợc diện tích tam giác ta làm thế nào?  - Từ đó y/c HS nêu quy tắc và công thức như­ SGK.  ***HĐ3: Thực hành.(20’)***.  **\* Bài 1**: Sgk/ 88  - Yêu cầu HS đọc bài toán.  ? Bài toán cho biết gì?  ? Bài toán yêu cầu gì?  - GV và HS cùng củng cố lại cách tính diện tích tam giác.  **\* Bài 2**: Sgk/ 88  - Yêu cầu HS đọc bài toán.  ? Bài toán cho biết gì?  ? Bài toán yêu cầu gì?  - Trước khi tính diện tích ta phải làm gì?  - Y/c HS đọc kĩ đề bài rồi làm bài vào vở.  - Củng cố cách tính diện tích tam giác.  **3. Củng cố, dặn dò**.(3’)  - Y/c HS nhắc lại cách tính diện tích tam giác.  - GV nhận xét chung tiết học. Xem trư­ớc bài sau. | - Hình tam giác gồm 3 đỉnh, 3 góc và 3 cạnh.  - HS nêu lại.  - HS theo dõi.  - HS tự nêu : Hình chữ nhật ABCD có diện tích gấp đôi diện tích tam giác.  - S ABCD = DC x AD = DC x EH  - HS nêu :  - HS đọc bài toán.  - Bài toán cho biết độ dài đáy là 8cm và đường cao là 6cm.  - Bài toán yêu cầu tính diện tích hình tam giác.  Bài giải  a, Diện tích hình tam giác là:  8 x 6: 2= 24(cm2)  b, Diện tích hình tam giác là:  2,3 x 1,2 :2 = 1,38(cm2)  Đáp số: 24cm, 1,38cm  - HS đọc bài toán.  a, Độ dài đáy là 5m, chiều cao là 24dm.  b, Độ dài đáy là 42,5m và chiều cao là 5,2m  - Yêu cầu tính diện tích.  - Chuyển đổi về cùng đơn vị đo rồi tính diện tích. .  Bài giải  a,Đổi: 5m = 50 dmhoặc 24dm=2,4m  Diện tích hình tam giác là:  50 x24 :2 = 600(dm2)  hoặc: 5 x 2,4 :2 =6 (m2)  b) Diện tích hình tam giác là:  42,5 x5,2 :2 = 110,5 (m2)  Đáp số: 110,5m2 |

----------------------------o0o------------------------

**Ngày soạn : 28 /12/ 2017**

**Ngày giảng : Thứ ba ngày 02 tháng 01 năm 2018**

**Toán**

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- Giới thiệu cách tính diện tích hình tam giác vuông ( Biết độ dài hai cạnh góc vuông của hình tam giác vuông ).

***2. Kĩ năng:***

***-*** Rèn kĩ năng tính diện tích hình tam giác.

***3. Thái độ:***

- HS có ý thức tự giác học bài và làm bài.

**II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ.(5')**  - Muốn tính diện tích hình tam giác ta làm như­ thế nào? Viết công thức tính diện tích hình tam giác?  - Áp dụng và tính diện tích tam giác biết đáy dài 5,4 cm và chiều cao bằng  đáy.  - Nhận xét tuyên dương.  **2. Bài mới. (30')**  HĐ1: a)***Giới thiệu bài:*** GV giới thiệu trực tiếp.  HĐ2**: *Thực hành.***  **\* Bài 1:** Sgk/ 88  - Y/ cHS nêu yêu cầu bài tập.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán yêu cầu gì?  - Các bạn thấy cứ để như vậy rồi tính diện tích có được không? Vì sao? Ta phải làm gì?  - HS lên bảng làm bài.  - HS, GV nhận xét chữa bài.  **\* Bài 2:** Sgk/ 88  - GV vẽ hình lên bảng và hư­ớng dẫn HS quan sát từng hình để chỉ ra đáy và đ­ường cao.  **-** GV nhận xét chữa bài, củng cố để giúp HS nắm vững hơn về đáy và chiều cao trong tam giác.  **\* Bài 3:** Sgk/ 88  - GV hư­ớng dẫn HS quan sát hình tam giác vuông  - Y/c HS quan sát hình vẽ và lựa chọn đáy với chiều cao của tam giác rồi tìm diện tích.  A  3cm  B 4cm C  - GV và HS chữa bài rồi rút ra quy tắc tính diện tích hình tam giác vuông.  **\* Bài 4:** Sgk/ 88  - HS nêu yêu cầu bài và tìm hiểu cách làm bài.  - Y/c HS tự đo các cạnh sau đó tính diện tích tam giác. theo y/c.  **3. Củng cố dặn dò.(3')**  - Muốn tính diện tích hình tam giác làm như­ thế nào?  - Nêu cách tính diện tích tam giác vuông.  - Xem lại nội dung bài và chuẩn bị bài sau. | - Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao ( cùng đơn vị đo ) rồi chia cho 2.  Bài giải  Chiều cao hình tam giác là:  5,4 : 3 x 2 = 3,6 ( cm )  Diện tích hình tam giác là:  5,4 x 3,6: 2 = 9,72 ( cm2 )  Đáp số: 9,72 cm2  - 1 HS chữa bài.  - HS nêu yêu cầu bài tập.  a, a = 30,5dm và h = 12dm  b, a = 16dm và h = 5,3m  - Tính diện tích hình tam giác.  - Không thể tính vì đơn vị đo không đồng nhất, phải chuyển về cùng đơn vị đo.  - HS lên bảng áp dụng công thức tính diện tích tam giác làm bài  Bài giải  a, Diện tích hình tam giác là:  30,5 x 12 :2 = 183 (dm2)  b) 16dm = 1,6m  Diện tích hình tam giác là:  1,6 x5,3:2= 4,24(m2)  Đáp số: 183dm2; 4,24m2  - HS quan sát từng hình và xác định đáy và đ­ường cao của từng hình tam giác.  - HS lên bảng làm bài, lớp làm vào vở.  - HS làm bài vào vở.  - HS lên bảng chữa bài.  - Diện tích hình tam giác ABC là:  3 x 4 : 2 = 6 ( cm2 )  - Diện tích hình tam giác EDG là:  5 x 3 : 2 = 7,5 ( cm2 )  - S tam giác vuông = tích độ dài hai cạnh góc vuông chia cho 2.  Bài giải  Diện tích hình tam giác MQE là:  3 x 1 : 2 = 2 ( cm2 )  Chiều dài cạnh EN là:  4 – 1 = 3 ( cm )  Diện tích hình tam giác NEP là:  3 x 3 : 2 = 4,5 ( cm2 )  Đáp số: 4,5 cm2 |

----------------------------o0o------------------------

**Luyện từ và câu**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I/ MỤC TIÊU**

1. ***Kiến thức:***

- Tiếp tục ôn luyện về từ đồng nghĩa, đại từ xư­ng hô, nghĩa gốc và nghĩa chuyển.

***2. Kĩ năng:***

***-*** HS tìm đ­ợc các từ đồng nghĩa với từ đã cho, xác định đ­ược nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ.

***3. Thái độ:***

- Bồi d­ưỡng cho HS ý thức dùng từ đúng theo nghĩa của nó.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Bảng phụ, SGK, VBT

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ.(5')**  **-** Thế nào là từ đồng nghĩa? cho VD.  - Nhận xét tuyên dương  **2. Bài mới.(30')**  ***a.Giới thiệu bài.***  - GV nêu mục đích, yêu cầu của giờ học  ***b. H­ướng dẫn làm bài tập.***  Bài tập 2.  HS đọc yêu cầu của bài tập .  - GV giúp HS nắm vững y/c của bài.  - Tổ chức cho HS Làm việc cá nhân.  - Y/c vài em đại diện trả lời.  - GVvà HS cùng chữa bài .  - Củng cố về đại từ x­ưng hô  **3. Củng cố, dặn dò.(3')**  -GV nhận xét tiết học, biểu dư­ơng những em học tốt.  -Y/c HS ghi nhớ kiến thức đã học, chuẩn bị tốt cho kiểm tra cuối kì. | - 3 HS trả lời. Lớp theo dõi và nhận xét.  - HS đọc kĩ nội dung của bài thơ rồi tự làm và đại diện báo cáo kết quả.  a) Biên c­ương - Biên giới  b) Dùng với nghĩa chuyển  c) ta- chúng ta -.... |

----------------------------o0o------------------------

**Chính tả**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- Hs trình bày đúng bài Chợ Ta - sken.

***2. Kĩ năng***

- Rèn kĩ năng nghe- viết đúng chính tả bài Chợ Ta – sken

***3. Thái độ***

- HS có ý thức tự giác ôn bài, và rèn chữ giữ vở.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Bảng phụ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ.(5’)**  -Y/c HS đọc bài : Ca dao về lao động sản xuất  - Nêu một chi tiết mà em thích trong bài.  - Nhận xét cho điểm  **2. Bài mới.** (30’)  ***a) Giới thiệu bài*.**GVnêu mục đích yêu cầu của giờ học.  ***b) H­ớng dẫn HS luyện đọc*** .  - GV tiếp tục kiểm tra 1 số em đọc bài kết hợp trả lời câu hỏi.  - Nhận xét tuyên dương.  ***c) H­ớng dẫn HS viết chính tả .***  - Y/c 1 em đọc bài viết và nêu nội dung chính của bài.  - H­ướng dẫn HS luyện viết tiếng khó:  ***Ta- s ken, trộn lẫn, sơ mi, xúng xính, thõng dài.***  - GV đọc cho HS viết bài, chú ý t­ thế ngồi viết  - GV đọc cho HS soát lỗi..  ***-*** GV thu vở chấm, yêu cầu HS đổi chéo bài.  **3 . Củng cố dặn dò.(3’)**  - GV nhận xét tiết học, biểu dư­ơng những em tích cực tham gia hoạt động.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau.Luyện viết th­ường xuyên để rèn chữ giữ vở. | -3 HS đọc kết hợp trả lời câu hỏi.  - HS đọc cá nhân.  D­ới lớp đọc nhẩm SGK  - HS luyện viết nháp và bảng lớp.  - HS luyện viết bài vào vở.  - HS soát bài |

----------------------------o0o------------------------

**Kể chuyện**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**.**( Tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

***-*** Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc HTL

***2. Kĩ năng:***

- Lập đư­ợc bảng tổng kết vốn từ về môi trư­ờng.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục HS có ý thức sử dụng đúng các từ ngữ trong chủ điểm đã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Ứng dụng phòng học thông minh cho bài tập 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ.(5')**  **-** Kiểm tra sự chẩn bị của HS  **2. Bài mới.(30')**  *a). Giới thiệu bài.*  - GV nêu mục đích, y/cầu của giờ học.  b) Giảng bài.  \* HĐ1: Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng.  - GV tiếp tục kiểm tra một số em còn lại và những em ch­a đạt y/c.  \*HĐ 2: H­ướng dẫn HS làm bài tập 2.  - Y/c HS đọc kĩ bài và thảo luận làm bài theo nhóm đôi.  - GV giúp HS nắm vững yêu cầu của đề bài.  - GV phát mỏy tớnh bảng cho từng nhóm trả lời.  - GV và HS cùng nhận xét kết luận.  - Củng cố lại các từ ngữ trong chủ đề môi trư­ờng.  3.  **Củng cố, dặn dò.(3')**  - GV nhận xét tiết học, biểu dương những em học tốt.  - Y/c HS ôn bài và làm bài trong vở bài tập. | - HS bốc bài và đọc bài.  - 2 em đọc y/c của bài.  - HS làm việc theo nhóm, đại diện gắn bài, chữa bài trên bảng.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Sinh quyển | Thuỷ quyển | Khí quyển | | Các sự vật trong môi trường | Rừng, con ng­ười, thú,chim..... | Sông suối, ao, hồ, biển,.... | Bầu trời, vũ trụ, mây.... | | Những HĐ bảo vệ môi trường | Trồng cây gây rừng, phủ xanh đồi trọc.... | Giữ sạch nguồn nước.... | Lọc khói công nghiệp,.... | |

----------------------------o0o------------------------

**Ngày soạn: 28/ 12/ 2017**

**Ngày giảng: Thứ tư ngày 03 tháng 01 năm 2018**

**Tập đọc**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- Hs đọc thầm bài “***Bài luyện tập***” Trang 177

- Dựa vào nội dung bài đọc, chọn ý trả lời đúng cho các câu hỏi SGK trang 177.

***2. Kĩ năng:***

- Đoc trôi chảy và hiểu nội dung bài học.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục HS yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Bảng phụ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ.(3')**  - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS.  **2. Bài mới.(30')**  a) Giới thiệu bài.  - GV nêu mục đích, yêu cầu của giờ học  b) Hư­ớng dẫn HS luyện tập.  - HS đọc nội dung yêu cầu của bài tập.  - GV gợi ýcách làm  - HS tự làm bài  - GV và HS nhận xét, bổ sung.  **3. Củng cố, dặn dò.(2')**  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS ôn tập cho tốt và chuẩn bị bài sau. | - 2 HS đọc,lớp theo dõi  - HS tự làm bài  -3 HS đại diện trả lời .  Đáp án:  Câu 1: ý b (Những cánh buồm)  Câu 2: ý a (Nước sông đầy ắp)  Câu 3: ý c (Màu áo của những người thân trong gia đình).  Câu 4: ýc (Thể hiện được tình yêu của tác giả đối với những cánh buồm…)  Câu 5: ý b (Vì những cánh buồm gắn bó với con người từ bao đời nay).  Câu 7: ý b (Hai từ: Đó là: lớn, khổng lồ)  Câu 8: ý a (Một cặp. Đó là các từ: ngược / xuôi)  Câu 9: ý c (Đó là hai từ đồng âm )  Câu 10: ý c (Ba quan hệ từ. Đó là các từ: còn, thì, như) |

----------------------------o0o------------------------

**Toán**

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- HS củng cố về : Các hàng của số thập phân; cộng,trừ, nhân, chia, số thập phân; viết số đo đại l­ợng d­ới dạng số thập phân. Tính diện tích hình tam giác.

***2. Kĩ năng:***

***-*** Rèn kĩ năng tính diện tích hình tam giác và cộng, trừ, nhân, chia các số thập phân.

***3. Thái độ:***

- HS có ý thức tự giác học bài và làm bài.

**II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| 1. Kiểm tra bài cũ.(5’)  - Viết công thức tính diện tích hình tam giác?  - Nhận xét tuyên dương.  2. Bài mới. (30’)  HĐ1: a**) *Giới thiệu bài:*** GV giới thiệu trực tiếp.  HĐ2:***Thực hành.***  Phần 1.Hãy khoanh vào chữ đặt trư­ớc câu trả lời đúng:  Gv treo bảng phụ ghi sẵn nội dung phần 1 lên bảng gọi HS lên bảng làm bài.  HS nêu lại cách làm  - HS GV nhận xét chữa bài.  Phần 2  Bài 1:  - HS nêu yêu cầu bài và lên bảng làm bài  - GV nhận xét chữa bài.  Bài 2: GV h­ướng dẫn HS làm bài.  - GV và HS chữa bài.  Bài 3: HS nêu yêu cầu bài và tìm hiểu cách làm bài.  - GV hư­ớng để HS nhận ra hình tam giác MDC có góc vuông đỉnh D.  GV quan sát nhận xét bài.  Bài 4: HS thảo luận cặp đôi tình cách làm bài.  - GV nhận xét chữa bài.  **3. Củng cố dặn dò.(3’)**  - Muốn tính diện tích hình tam giác làm nh­ thế nào?  - Xem lại nội dung bài và chuẩn bại bài sau. | - HS lên bảng viết.  - HS lên bảng làm bài  - Lớp làm vào vở.  1 B; 2 C; 3 C;  - Nêu yêu cầu bài tập.  - HS lên bảng tự đặt tính làm bài, lớp làm vào vở.  - Nêu yêu cầu bài tập.  - HS nêu lại bảng đơn vị đo độ dài và diện tích rồi áp dụng vào làm bài tập.  a) 8m5dm = 8,5 m  b) 8m2 5dm2 = 8,05 m2  - Đọc bài toán.  Bài giải  Chiều dài HCN là:  15 + 25 = 50 ( cm )  Chiều rộng HCN là:  2400 : 50 = 48 ( cm )  Diện tích hình tam giác MDC là:  25 x 48 = 1200 ( cm2 )  Đáp số: 1200 cm2  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Làm và chữa bài.  x = 4 và 4, 03 |

----------------------------o0o------------------------

**Khoa học**

**SỰ CHUYỂN THỂ CỦA CHẤT**

**I.MỤC TIÊU**

- Nêu được ví dụ về một số chất ở thể rắn, thể lỏng, thể khí

**II-ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-Tranh minh hoạ SGK

**III-CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1-Ổn định**  **2-Kiểm tra bài cũ**  -GV phát bài kiểm tra  -GV nhận xét chung  **3-Bài mới**  **\*Hoạt động 1: Trò chơi**  -GV phát phiếu ghi tên mỗi chất  -GV kẻ bảng 3 thể của chất:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tên chất | Lỏng | Rắn | Khí | |  |  |  |  |   -GV nhận xét, thống nhất các đáp án, tuyên dương đội thắng cuộc  **\*Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm và sự chuyển thể của chất**  -GV đọc từng câu hỏi:  1) Chất rắn có đặc điểm gì?  2) Chất lỏng có đặc điểm gì?  3) Khí các-bô-nic, ô-xi, ni-tơ có đặc điểm gì?  - GV chốt lại đáp án: 1b 2c 3a  - Yêu cầu HS quan sát và nhận xét hình 1-2-3, SGK trang 73  -GV nhận xét, chốt lại: Các chất có thể chuyển đổi từ thể này sang thể khác là dạng biến đổi lí học  **\*Hoạt động 3: Ai nhanh, ai đúng**  - Chia lớp thành 2 dãy thi đua:  +Kể tên các chất ở thể rắn, thể lỏng, thể khí  +Thi kể tên các chất có thể chuyển từ thể rắn sang thể lỏng, từ thể lỏng sang thể khí và ngược lại.  **4-Củng cố - Dặn dò**  - Yêu cầu HS đọc lại thông tin SGK  -GV nhận xét đánh giá  -Nhận xét tiết học  -Chuẩn bị: Bài 36 - Hỗn hợp | - HS chia làm 2 đội ( 5-6 em )  -Các đội xếp hàng dọc  -HS thi dán các phiếu vào bảng, lớp nhận xét, bổ sung hoàn chỉnh:  +Thể rắn: Cát, đường, nhôm, nước đá, muối…  +Thể lỏng: Cồn, dầu ăn, nước, xăng…  +Thể khí: Hơi nước, ôxi, nitơ, …  -HS thảo luận nhóm đôi, lựa chọn đáp án đúng trong SGK trang 72, 73  -HS trình bày  - HS quan sát hình 1-2-3, SGK trang 73  -Các nhóm thảo luận trình bày  +H1:Nước ở thể lỏng  +H2:Nước ở thể rắn  +H3:Nước ở thể khí  - HS đọc thông tin trang 73  - 2 dãy lần lượt cử đại diện tham gia  - Dãy nào có nhiều đáp án đúng thì thắng cuộc |

----------------------------o0o------------------------

**Ngày soạn: 21/ 12/ 2015**

**Ngày giảng: Thứ năm ngày 24 tháng 12 năm 2015**

**Toán**

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- Tính giá trị theo vị trí của mỗi chữ số trong số thập phân.

- Tìm tỉ số phần trăm của hai số.

***2. Kĩ năng***

- Làm các phép tính với số thập phân.

- Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.

***3. Thái độ***

- Giáo dục HS tính chính xác, trình bày khoa học .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY-HOC:**

- GV : SGK , bảng phụ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1/ Khởi động :**  **2/ Bài cũ :** Luyện tập  - Nêu cách tính diện tích hình tam giác ?  - Y/C HS tính diện tích hình tam giác biết : đáy 5 cm, chiều cao 3 cm .  - Nhận xét, tuyên dương  **3/ Bài mới** :  a/ **Giới thiệu bài**  **b/ Thực hành :**  **\* Phần 1:**  - Y/C HS làm BC + BL  + Bài 1/89  - Hướng dẫn học sinh làm và chữa bài  + Bài 2 / 89   * Hướng dẫn học sinh làm và chữa bài   **\* Phần 2** :  + Y/C HS làm bài  + Y/C HS nêu cách cộng, trừ, nhân, chia STP ?  + Nhận xét, sửa sai .  **4/ Củng cố, dặn dò** :  - Muốn tính diện tích hình tam giác ta làm NTN ?  - Muốn cộng, trừ hai số thập phân ta làm NTN ?  - Nhận xét tiết học . | - Hát  - 1 HS nêu  - Diện tích hình tam giác là:  5 x 3 : 2 = 7,5 cm2  Đáp số: 7,5cm2  - Đọc y/c phần 1  - 1 Học sinh làm bảng lớp.  - Hs còn lại làm bảng con.  - Nhận xét sửa bài.  Bài 1 : Khoanh vào B  Bài 2 : Khoanh vào C  Bài 3 : khoanh vào C  - Đọc y/c bài 2  a/  b/  c/  85,90 68,29 18630  6210  80,730  c/ 77,5 2,5  025 31  0  - Đọc y/c bài 2 :  a/ 8 m 5 dm = 8,5 m  b/ 8 m2 5 dm2 = 8,05 m2 |

----------------------------o0o------------------------

**Tập làm văn**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**.

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

***-***  Củng cố kĩ năng viết thư­ cho HS.

***2. Kĩ năng:***

- HS biết viết một lá thư­ gửi ng­ời thân ở xa kể lại kết quả học tập, rèn luyện của em.

***3. Thái độ:***

- Thể hiện tình cảm , sự quan tâm của mình tới ng­ời thân ở xa.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Giấy kiểm tra

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ.(5')**  - Y/c HS nhắc lại cấu tạo thông thư­ờng của một bức thư­.  - Nhận xét tuyên dương  **2. Bài mới.(30')**  ***a).Giới thiệu bài.***  - GV nêu mục đích, yêu cầu của giờ học  ***b) H­ướng dẫn HS viết thư­.***  - Y/c một vài HS đọc y/c của đề bài, đọc gợi ý SGK.  **Đề bài:** Hãy viết thư­ gửi một ng­ười thân đang ở xa kể lại kết quả học tập, rèn luyện của em trong học kì vừa qua.  - GV nhắc nhở HS cách viết thư­:  + Cần viết chân thực, kể đúng những thành tích và cố gắng của em trong học kì I vừa qua, thể hiện đư­ợc tình cảm với ng­ười thân.  c) HS viết thư­ vào giấy.  d) Yêu cầu HS nối tiếp nhau đọc bài và chữa bài.  - GV giúp HS bình chọn bài viết hay nhất.  **3. Củng cố dặn dò.(3')**  - GV nhận xét tiết học, biểu dư­ơng những em học tốt.  - Y/c các em về nhà tiếp tục tự ôn về văn viết thư­.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - 1 em nhắc lại.  - 2 HS đọc, lớp theo dõi SGK  - HS theo dõi và lắng nghe.  - HS tự viết thư­ vào giấy, viết đầy đủ một lá thư­ theo quy trình đã hư­ớng dẫn, viết đúng chính tả.  - Một vài HS đại diện đọc bài, lớp theo dõi và nhận xét. |

----------------------------o0o------------------------

**Luyện từ và câu**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**Đề bài:** Em hãy tả một ng­ười thân đang làm việc, ví dụ: đang nấu cơm, khâu vá, làm vư­ờn, đọc báo, xây nhà hay học bài...

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- HS viết đư­ợc một bài văn tả ng­ười bằng cảm xúc riêng của mình, làm nổi bật đư­ợc ngoại hình cũng như­ hoạt động của ng­ười đó thông qua công việc.

***2. Kĩ năng.***

***-*** Rèn kĩ năng viết văn tả ng­ười đang làm việc có sử dụng cách so sánh và nhân hóa để câu văn sẽ gợi tả, gợi cảm.

***3. Thái độ:***

- HS thể hiện đ­ược tình cảm yêu mến ng­ười mình tả...

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Bảng phụ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ.(5')**  - HS nhắc lại bố cục của bài văn tả cảnh.  **2. Bài mới.(30')**  *a) Giới thiệu bài.*  - GV nêu mục đích, yêu cầu của giờ học  *b) H­ớng dẫn HS luyện tập.*  - HS đọc nội dung yêu cầu của đề bài đọc .  - Xác định đối tư­ợng miêu tả.  - GV h­ớng dẫn HS viết bài vào vở.  - Y/c 1 số em đại diện đọc bài trư­ớc lớp.  - GV và HS cùng bình chọn bài văn viết có ý riêng, ý mới, giàu cảm xúc.  **3. Củng cố, dặn dò.(3')**  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS ôn tập cho tốt và chuẩn bị bài sau. | -2 HS nhắc lại.  -2 HS đọc.Lớp theo dõi  -3 HS đại diện trả lời .  - HS tự làm bài  - HS đại diện đọc bài để chữa bài. |

----------------------------o0o------------------------

**Khoa học**

**HỖN HỢP**

**I. MỤC TIÊU**

- Nêu được một số ví dụ về hỗn hợp

- Thực hành tách các chất ra khỏi một số hỗn hợp (tách cát trắng ra khỏi hỗn hợp nước và cát trắng)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HOC**

- Hình vẽ trong SGK trang 75

- Muối tinh, mì chính, hạt tiêu bột, bát nhỏ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Ổn định**  **2. Bài cũ:** Sự chuyển thể của chất  -Câu hỏi:  +Kể tên các chất ở thể rắn, thể lỏng, thể khí  +Thi kể tên các chất có thể chuyển từ thể rắn sang thể lỏng, từ thể lỏng sang thể khí và ngược lại  -GV nhận xét, cho điểm  **3.Bài mới**  **❖ Hoạt động 1: Thực hành”Trộn gia vị”.**  **Phương pháp:** Thảo luận, đàm thoại.  -GV chia nhóm, giao nhiệm vụ:  a) Tạo ra một hỗn hợp gia vị gồm muối tinh, mì chính và hạt tiêu bột.  b) Thảo luận các câu hỏi:  +Để tạo ra hỗn hợp gia vị cần co những chất nào?  +Hỗn hợp là gì?  -GV nhận xét, kết luận: Hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau tạo thành hỗn hợp. Trong hỗn hợp, mỗi chất giữ nguyên tính chất của nó  **❖ Hoạt động 2: Quan sát, thảo luận.**  **Phương pháp:** Thảo luận, quan sát, đàm thoại.  -Yêu cầu HS quan sát các hình 1, 2, 3 trang 75 SGK thảo luân nhóm đôi và trả lời câu hỏi:  +Tìm phương pháp tách các chất ra khỏi hỗn hợp từ các hình.  +Không khí là một chất hay là một hỗn hợp?  \* Nhận xét, kết luận: Trong thực tế ta thường gặp một số hỗn hợp như: gạo lẫn trấu, cám lẫn gạo. Đường lẫn cát, muối lẫn cát, không khí, nước và các chất rắn không tan,…  **❖ Hoạt động 3: Thực hành tách các chất trong hỗn hợp.**  **Phương pháp:** Luyện tập.  -GV chia nhóm giao nhiệm vụ cho các nhóm:  +Nhóm 1, 2: Bài thực hành số 1  +Nhóm 3, 4: Bài thực hành số 2  +Nhóm 5, 6: Bài thực hành số 3  **\**Bài thực hành 1***: Tách cát trắng ra khỏi hỗn hợp nước và cát trắng .  **\**Bài thực hành2:*** Tách dầu ăn ra khỏi hỗn hợp dầu ăn và nước  **\**Bài thực hành 3:*** Tách gạo ra khỏi hỗn hợp gạo lẫn với sạn .  -GV theo dõi, hướng dẫn các nhóm thực hành  -GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm  **❖ Hoạt động 4: Củng cố - dặn dò**  -Xem lại bài và học ghi nhớ.  -Chuẩn bị: “Dung dịch”.  -Nhận xét tiết học. | -3 HS kể tên  -Lớp nhận xét  -Các nhóm thực hành  -Quan sát và nếm hỗn hợp gia vị tạo thành. Nêu nhận xét  -Đại diện các nhóm nêu nhận xét và công thức trộn gia vị.  -HS quan sát, thảo luận  -Đại diện HS trình bày  -Lớp nhận xét, bổ sung  +Hình 1: làm lắng  +Hình 2: Sàng, sảy  +Hình 3: Lọc  +HS nêu thành phần của không khí và kết luận  -HS kể thêm một số hỗn hợp các em được biết  - Các nhóm thực hành theo yêu cầu  +Đổ hỗn hợp chứa chất rắn không bị hoà tan trong nước qua phễu lọc.  +Đổ hỗn hợp dầu ăn và nước vào trong cốc rồi để yên một lúc lâu. Nước lắng xuống, dầu ăn nổi lên thành một lớp ở trên nước. Dùng thìa hớt lớp dầu ăn nổi trên mặt nước  +Đổ hỗn hợp gạo lẫn sạn vào rá. Đãi gạo trong chậu nước sao cho các hạt sạn lắng dưới đáy rá, bốc gạo ở phía trên ra, còn lại sạn ở dưới  HS đọc lại nội dung bài học. |

----------------------------o0o------------------------

**Ngày soạn: 22/ 12/ 2015**

**Ngày giảng: Thứ sáu ngày 25 tháng 12 năm 2015**

**Địa lí**

**CHÂU Á**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

* Nêu được tên các châu lục và các đại dương.
* Dựa vào lược đồ (bản đồ) nêu được vị trí, giới hạn của Châu Á.

**2. Kĩ năng**

* Nhận biết được độ lớn và sự đa dạng của thiên nhiên Châu Á
* Đọc được tên các dãy núi cao và các đồng bằng lớn của Châu Á.

**3. Thái độ**

* Nêu được tên một số cảnh thiên nhiên Châu Á và nêu được chúng thuộc vùng nào của Châu Á

**II. Đồ dùng dạy - học**

* Quả địa cầu (hoặc bản đồ thế giới).
* Bản đồ tự nhiên Châu Á

**III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |

**Giới thiệu bài**

- GV giới thiệu: Các em đã được học về một số hiện tượng tự nhiên, các lĩnh vực kinh tế - xã hội của Việt Nam. Từ bài 17 trở đi, các em sẽ tìm hiểu một số hiện tượng địa lí các châu lục, của khu vực Đông Nam Á và một số nước đại diện cho các châu lục.

Bài đầu tiên chúng ta cùng tìm hiểu về các hiện tượng địa lí tự nhiên châu Á.

***Hoạt động 1***

**Các châu lục và các đại dương trên thế giới**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV hỏi HS cả lớp:  + Hãy kể tên các châu lục, các đại dương trên thế giới mà em biết.  - Khi HS trả lời, GV ghi nhanh lên bảng thành 2 cột, 1 cột ghi tên các châu lục, 1 cột ghi tên các đại dương.  - GV nêu: Chúng ta sẽ đi tìm vị trí của từng châu lục và đại dương trên quả địa cầu.  - GV yêu cầu HS quan sát hình 1 *Lược đồ các châu lục và đại dương* để tìm vị trí các châu lục và các đại dương trên thế giới.  - GV gọi HS lên bảng chỉ vị trí của các châu lục, các đại dương trên quả địa cầu, hoặc bản đồ thế giới.  - GV nêu kết luận: Trái Đất chúng ta có 6 châu lục và 4 đại dương. Châu Á là một trong 6 châu lục của Trái Đất. | - HS nối tiếp nhau trả lời câu hỏi, mỗi em chỉ cần nêu tên một châu lục hoặc một đai dương mà mình biết.  + Các châu lục trên thế giới:  1. Châu Mĩ.  2. Châu âu  3. Châu Phi  4. Châu á  5. Châu đại dương  6. Châu Nam cực  + Các đại dương trên thế giới:  1. Thái Bình Dương  2. Đại Tây Dương  3. ấn Độ Dương  4. Bắc Băng Dương  - HS làm việc theo cặp, 2 HS ngồi cạnh nhau vừa nêu tên châu lục, đại dương vừa chỉ vị trí tương ứng với châu lục, đại dương đó trên lược đồ.  - 3 HS lần lượt lên bảng chỉ theo yêu cầu. Lưu ý: chỉ theo đường bao quanh của châu lục, của đại dương, không được chỉ vào một điểm.  - HS cả lớp theo dõi và nhận xét. |

***Hoạt động 2***

**Vị trí địa lí và giới hạn của Châu Á**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV treo bảng phụ viết sẵn các câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu về vị trí địa lí Châu Á (hoặc viết vào phiếu giao cho HS).  - GV tổ chức HS làm việc theo cặp:  + Nêu yêu cầu: Hãy cùng quan sát hình 1 và trả lời các câu hỏi sau:  - Chỉ vị trí của Châu Á trên lược đồ cho biết Châu Á gồm những phần nào?  - Các phía của Châu Á tiếp giáp các châu lục đại dương nào?  - Châu Á nằm ở bán cầu Bắc hay bán cầu Nam, trải từ vùng nào đến vùng trên Trái Đất?  - Châu Á chịu ảnh hưởng các các đới khí hậu nào?  - GV mời 1 HS khá lên điều khiển các bạn báo cáo kết quả thảo luận trước lớp.  - GV nhận xét kết quả làm việc của HS, sau đó nêu kết luận: Châu Á nằm ở bán cầu Bắc, có 3 phía giáp biển và đại dương. | - Đọc thầm các câu hỏi.  - Làm việc theo cặp, cùng xem lược đồ, trao đổi, trả lời từng câu hỏi.  Kết quả thảo luận tốt là:  - Chỉ theo đường bao quanh Châu Á  Nêu: Châu Á gồm hai phần là lục địa và các đảo xung quanh.  - Vừa chỉ trên lược đồ vừa nêu:  + Phía Bắc giáp Bắc Băng Dương.  + Phía Đông giáp Thái Bình Dương.  + Phía Nam giáp ấn Độ Dương.  + Phía Tây Nam giáp với châu Phi.  + Phía Tây và Tây Bắc giáp với châu Âu.  - Châu Á nằm ở bán cầu Bắc, trải dài từ vùng cực Bắc đến quá xích đạo.  - Châu Á chịu ảnh hưởng của các ba đới khí hậu:  Hàn đới ở phía Bắc Á.  Ôn đới ở giữa lục địa Châu Á.  Nhiệt đới ở Nam Á.  - 1 HS lên điều khiển thảo luận:  + Nêu câu hỏi 1.  + Mời đại diện một cặp trình bày.  + Mời các bạn khác bổ sung ý kiến.  + Kết luận câu trả lời đúng.  + Tiến hành tương tự với các câu tiếp theo. |

**Hoạt động 3**

**Diện tích và dân số Châu Á**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV treo bảng số liệu về diện tích và dấn số các chấu lục, yêu cầu HS nêu tên và công dụng của bảng số liệu.  - GV nêu yêu cầu HS đọc bảng số liệu và hỏi: Em hiểu chú ý 1 và 2 trong bảng số liệu như thế nào?  - GV giảng giải: Liên Bang Nga có lãnh thổ nằm trên hai châu lục, một phần ở châu Âu còn phần kia lại thuộc châu á. Dân số của Liên Bang Nga một phần thuộc dân số châu Âu, một phần thuộc dân số châu á. Trong bảng sô liệu, dân số của Liên Bang Nga không được tính vào dân số của châu á mà được tính cả vào dân số châu Âu.  - GV yêu cầu: Dựa vào bảng số liệu, em hãy so sánh diện tích của châu á với diện tích các châu lục khác trên thế giới.  - GV kết luận: Trong 6 châu lục thì Châu Á có diện tích lớn nhất. | - 1 HS nêu trước lớp :Bảng số liệu thống kê về diện tích và dân số của các châu lục, dựa vào bảng số liệu ta có thể so sánh diện tích và dân số của các châu lục với nhau.  - HS nêu theo ý hiểu của mình.  - HS so sánh và nêu ý kiến trước lớp: Diện tích châu á lớn nhất trong 6 châu lục. Gấp 5 lần diện tích châu đại dương, hơn 4 lần diện tích châu Âu, hơn 3 lần diện tích châu Nam Cực. |

**Hoạt động 4**

**Các khu vực của Châu Á vànét đặc trưng về tự nhiên của mỗi khu vực**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - GV treo lược đồ các khu vực Châu Á, và hỏi HS: Hãy nêu tên lược đồ và cho biết lược đồ thể hiện những nội dung gì?  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để thực hiện phiếu học tập sau | - HS đọc lược đồ, đọc phần chú giải và nêu: Lược đồ các khu vực châu á, lược đồ biểu diễn:  + Địa hình Châu Á.  + Các khu vực và giới hạn từng khu vực của Châu Á.  - HS chia thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 6 HS, cùng thảo luận để hoàn thành phiếu sau (phần in nghiêng trong phiếu là phần HS làm).  - Mỗi nhóm vào giấy khổ A0 | |
| - GV mời 1 nhóm HS dán phiếu của nhóm mình lên bảng, trình bày, yêu cầu các nhóm khác theo dõi.  - GV kết luận về phiếu làm đúng sau đó kết luận: Núi và cao nguyên chiếm diện tích châu á, trong đó có những vùng núi rất cao và đồ sộ. Đỉnh Ê-vơ-rét (8848 m) thuộc dãy Hi-ma-lay-a, cao nhất thế giới. | | - Một nhóm HS trình bày trước lớp. HS cả lớp theo dõi và nhận xét. |

***Hoạt động 5***

**Thi mô tả các cảnh đẹp của Châu Á**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV yêu cầu HS dựa vào các hình minh hoạ a, b, c, d, e và hình 2 trang 103 SGK, mô tả vẻ đẹp một số cảnh thiên nhiên của châu á.  - GV chọn 5 HS tham gia cuộc thi, mỗi HS mô tả một hình. | - HS tự chọn một hình và xung phong tham gia thi mô tả trước lớp.  - 5 HS lần lượt mô tả, các HS khác theo dõi nhận xét và bình chọn bạn mô tả hay nhất. |

- GV tổng kết cuộc thi và nêu: Thiên nhiên Châu Árất đa dạng và phong phú. Châu á có 3 phía giáp các biển và đại dương nên có nhiều cảnh biển đẹp. Đến khu vực Trung á lại có hoang mạc và bán hoang mạc. Châu á cũng có nhiều đồng bằng cây cối xanh tốt, khu vực Bắc Á lại nổi tiếng với rừng Tai-ga, là rừng cây lá kim. Hi-ma-lay-a là nơi cao nhất của thế giới với những dãy núi cao đồ sộ, đỉnh núi quanh năm có tuyết phủ. Chính lãnh thổ rộng lớn, trải dài từ cực Bắc đến qua Xích đạo tất cả các đới khí hậu đã làm cho thiên nhiên châu á phong phú và đa dạng.

**Củng cố, dặn dò**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV gọi HS nêu nhanh các đặc điểm về vị trí, giới hạn của khu vực Châu Á. Khi HS trả lời GV ghi nhanh lên bảng thành sơ đồ.  - GV nhận xét tiết học. Dặn dò HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau: tìm hiểu về khu vực Đông Nam á. | - Một số HS nêu các đặc điểm của Châu Á |

Châu Á

Đặc điểm tự nhiên: 3/4 là núi và cao nguyên, có nhiều núi cao đồ sộ, có đủ các đới khí hậu. Thiên nhiên phong phú đa dạng

Giới hạn: Phía Bắc, Đông, Nam giáp biển; phía Tây giáp châu Phi, châu Âu

Ví trí: Nằm ở phía bán cầu Bắc

----------------------------o0o------------------------

**Toán**

**HÌNH THANG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:*** Hình thành đ­ược biểu tư­ợng về hình thang; nhận biết đư­ợc một số đặc điểm của hình thang, phân biệt đư­ợc hình thang với một số hình đã học.

***2. Kĩ năng:*** Rèn kĩ năng vẽ hình, nhận dạng hình thang và một số đặc điểm của hình thang.

***3. Thái độ:*** HS có ý thức tự giác học bài và làm bài.

**II .ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Các tấm bìa vẽ hình của bài 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ.(5P)**  Viết công thức tính diện tích hình tam giác?  - áp dụng tính diện tích tam giác có đáy gấp đôi chiều cao, biết chiều cao bằng 2,5 cm.  **2. Bài mới. (30P)**  a**) *Giới thiệu bài:*** GV giới thiệu trực tiếp.  ***b). Giảng bài.***  HĐ1: ***Hình thành biểu t­ượng về hình thang****.*  - GV cho HS quan sát cái thang SGK để nhận ra hình ảnhcủa hình thang. Sau đó quan sát hình thang trên bảng .  HĐ2: Giúp HS nhận biết một số đặc điểm của hình thang.  - Y/c HS quan sát hình thang và cho biết:  + HT có mấy cạnh.  + Có hai cạnh nào song song với nhau?  - GV kết luận nh­ SGK.  - GV kẻ đ­ường cao từ đỉnh A xuống cạnh đáy DC và vuông góc với DC rồi giới thiệu đó là chiều cao của hình thang.  - Y/c HS nhận xét về chiều cao của hình thang.  - Gọi một số em lên bảng và chỉ vào hình thang ABCD và nhắc lại một số đặc điểm của hình thang.  HĐ3: Thực hành.  Bài 1: HS nêu yêu cầu bài và lên bảng chỉ ra hình thang trong số các hình đã cho.  - GV nhận xét kết luận lại.  Bài 2: GV y/c hS tự làm bài rồi đại diện nêu kết quả cho cả lớp nghe.  Bài 3: HS nêu yêu cầu bài và tìm hiểu cách làm bài.  - GV h­ớng dẫn HS còn lúng túng vẽ đư­ợc hình thang theo y/c.  - GV quan sát kiểm tra việc vẽ hình của HS.  Bài 4: GV giới thiệu về hình thang vuông.  - GV đ­a ra hình vẽ nh­ SGK.  - Tổ chức cho HS thảo luận các câu hỏi để nhận ra hình thang vuông.  - GV nhận xét chữa bài. | - HS lên bảng viết.  - 1 HS lên bảng chữa bài.  - HS lên bảng làm bài  - Lớp làm vào vở.  - HS đại diện trả lời và tự nêu kết luận về hình thang.  - 2 HS nêu mối quan hệ giữa chiều cao với hai đáy.  - 2 HS lên bảng thực hành.  - 1, 2em lên bảng.  - Lớp theo dõi và nhận xét.  - Củng cố lại các đặc điểm của hình thang.  - HS thảo luận tìm ra các đặc điểm của hình thang vuông.  - HS nêu lại đặc điểm của hình thang vuông. |

**3. Củng cố dặn dò.(3P)**

- Y/c HS nhắc lại đặc điểm của hình thang và hình thang vuông.

- Gv nhận xét chung giờ học, tuyên d­ương những em học tốt.

- Dặn HS xem lại nội dung bài và chuẩn bại bài sau.

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------

**Tập làm văn**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

-Tiếp tục kiểm tra lấy điểmTĐvà HTL

***2. Kĩ năng***

- Biết lập bảng thống kê các bài TĐ

***3. Thái độ***

- Thể hiện cảm nhận về cái hay của những câu thơ đã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

-Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Giới thiệu bài.(2')**  GV nêu mục đích,y/c tiết học.  **2. Ôn tập.(34')**  **HĐ1:** Kiểm tra TĐ và HTL  Kiểm tra khoảng 1/5 HS trong lớp  (tiến hành như­ tiết trư­ớc )  **HĐ2:** Bài 2  - Gọi 1 HS đọc đề bài tập số 2 ,xác định yêu cầu của bài ?  -Có mấy nội dung cần trình bày?cần mấy cột?  (Có thể thêm cột thứ tự  Có bao nhiêu bài TĐ thì có bấy nhiêu dòng ngang)  Thảo luận nhóm  Gọi HS đọc bảng kết quả  **HĐ3** : Bài 3  - Gọi 1 HS đọc đề bài tập số 1 ,xác định yêu cầu của bài ?  HS làm việc cá nhân  Gọi HS trình bày  (GV khuyến khích HS TB-yếu phát biểu và tôn trọng ý kiến của các em) | Cả lớp lắng nghe  tra câu hỏi nội dung của bài đọc đó  , NX-  Lập bảng thống kê…  HS hoạt động theo nhóm  Làm vào phiếu học tập.  Cả lớp theo dõi, NX và bổ sung cho đầy đủ  đáp án :SGV tr 337  HS đọc thầm theo  +thích câu nào nhất?  +chỉ ra cái hay của câu thơ đó?  VD:  *Bầy chim đi ăn về*  *Rót vào ô cửa ch­a sơn vài nốt nhạc.*  (Về ngôi nhà đang xây-Đồng Xuân Lan)  Vì:…….  Lớp NX,bổ sung  Bình bài hay nhất |

**3. Củng cố ,dặn dò.(2')**

-NX tiết học

-Tiếp tục ôn HTL để KT

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

###### SINH HOẠT

1. **Mục tiêu**

Giúp học sinh:

* Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân trong tuần qua.
* Đề ra phương hướng phấn đấu trong tuần tới.
* Giáo dục ý thức phê và tự phê cho học sinh.

**II. Chuẩn bị.**

* Ghi chép trong tuần.

**III. Các hoạt động.**

1. Ổn định tổ chức

* Cả lớp hát.

1. Nội dung sinh hoạt.

* Lớp phó học tập nhận xét về tình hình học tập của lớp trong tuần qua.
* Lớp trưởng nhận xét chung, các bạn khác lắng nghe sau đó có ý kiến bổ sung.
* Gv nhận xét, đánh giá tình hình lớp về mọi mặt:

\*Ưu điểm:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\*Nhược điểm:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Bình xét thi đua các tổ trong tuần:

* Tổ 1:..........
* Tổ 2:..........
* Tổ 3:..........
* Phương hướng phấn đấu trong tuần tới.

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

----------------------------o0o------------------------